

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 24-12- 2020

(Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tùng và bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hoài - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Vinh.

- Đại diện VKSND Thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vinh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 221/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-DS ngày 12/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-DS ngày 27/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ph Th K H, sinh năm 1968; trú tại địa chỉ: Nhà số 33, đường L H, phường H Ph, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt tại phiên tòa, có Đơn xin xét xử vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ng Th P Th, sinh năm 1989, Địa chỉ: Số 146, đường H B, phường L M, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt tại phiên tòa có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Ng Ph L và bà Ng Th H; Trú tại: Số 10A, ngõ 33, đường Ng B Kh, khối T L, phường H D, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa, bà Hằng có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2019, và những lời khai của bà Ph Th K H trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nhau trong quá trình hợp tác, làm ăn kinh doanh với ông Ng Ph L nên trong hai ngày 10 và 11 tháng 9 năm 2014 bà Ph Th K H cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ Ph, địa chỉ Số 10A, ngõ 33, đường Ng B K, khối T L, phường H D, tỉnh Nghệ An, mà ông Ng P L là đại diện theo pháp luật và bà Ng Th H vay tổng số tiền là 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Khi vay có giao kết với nhau bằng 03 Hợp đồng cho vay tiền, cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay tiền số 01 ngày 10/09/2014 cho vay số tiền 1.792.000.000đ, lãi suất 3.6%/ 1 tháng, thời gian 9 tháng, thời gian trả gốc là ngày 10/6/2015; Hợp đồng cho vay tiền số 02 ngày 10/09/2014 cho vay số tiền 300.000.000đ, lãi suất 3.6%/ 1 tháng, thời gian 9 tháng, thời gian trả gốc là ngày 10/6/2015, Hợp đồng cho vay tiền số 03 ngày 11/09/2014 cho vay số tiền 446.800.000đ, lãi suất 3.6%/ 1 tháng, thời gian 9 tháng, thời gian trả gốc là ngày 11/6/2015; Cả 3 hợp đồng đều thỏa thuận, phương thức nhận tiền mặt khi ký kết, trả lãi hàng tháng qua ngân hàng, có thể trả trước hạn hoặc nếu chậm trả thì có thể thương lượng lại thời hạn. Do từ đó đến nay, Công ty TNHH Đ Ph, ông Ng P L và bà Ng Th H không trả được nợ nên nguyên đơn là bà Ph Th K H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ Ph, ông Ng P L là người đại diện theo pháp luật và bà Ng Th H trả số nợ theo 3 hợp đồng vay tiền là 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) tiền nợ gốc và số nợ lãi theo hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ph Th K H có Đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện và trình bày ý kiến thay đổi tại Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bà có nội dung như sau: Thứ nhất, trước đây tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ Ph, Ng P L là đại diện theo pháp luật và bà Ng Th H trả số nợ cho bà, nhưng nay bà do nhận thức đây lại đây là khoản cho vay và đi vay có tính chất cá nhân, khi vay và ký vào các Hợp đồng vay tiền là ông Ng P L và bà Nguyễn Thị Hằng, không có dấu công ty TNHH Đ Ph, vậy nên bà xin thay đổi chỉ yêu cầu ông Ng P L và bà Ng Th H (Không yêu cầu Công ty TNHH Đ Ph trả nợ) trả tổng số tiền nợ gốc theo ba hợp đồng là 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng); Thứ hai: Do tình hình thực tế, thấy được sự khó khăn của bị đơn nên bà rút phần yêu cầu về trả nợ lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Ng P L vắng mặt, không hợp tác để giải quyết vụ án. Nên không có lời trình bày cũng như ý kiến nào về tranh chấp. Theo xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Ng P L cư trú

là khối T L, phường H D, tỉnh Nghệ An, chính quyền xác định ông Ng P L vẫn cư trú, sinh sống tại địa chỉ nói trên. Do ông Lai không nhận Giấy tờ văn bản của Tòa án và không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản cho ông L theo địa chỉ nói trên.

Tại phiên tòa, bà Ng Th H vắng mặt, nhưng tại các bản khai thì bà Ng Th H khai nhận: Bà và chồng bà là ông Ng P L có vay tiền vay tiền của bà Ph Thi K H, khi vay tiền bà có trực tiếp cùng ông Lai ký vào 03 “Hợp đồng vay tiền” số 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014 mà nguyên đơn xuất trình, cũng như Tòa án đã công khai. Tuy nhiên, bà không phải là người trực tiếp nhận khoản tiền vay đó và cũng không biết khoản tiền đó chồng của bà là ông L sử dụng như thế nào và đã trả nợ hay chưa bà cũng không rõ. Nay bà H khởi kiện đòi tiền theo hợp đồng vay tiền mà bà đã ký thì bà H không nhất trí.

Kết quả giám định: Tại Kết luận giám định số 19/KL-PC09(Đ3) ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an Nghệ An kết luận: “Chữ ký, chữ viết Ng P L dưới mục Đại diện bên B” (Bên đi vay) trên 3 hợp đồng cho vay tiền ký hiệu A1,A2,A3 so với chữ viết, chữ ký của Ng P L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, vi phạm thời gian giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ng P L và bà Ng Th H phải thanh toán cho bà Ph Thi K H số tiền 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) theo ba Hợp đồng vay tiền số 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014; buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và tiền chi phí giám định; trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bên đương sự đều vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông Ng P L và bà Ng Th H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nguyên đơn, bị đơn để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nên hai bên đương sự không thống nhất được về nội dung giải quyết vụ án. Bị đơn ông Ng P L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà Ng Th H có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph Th K H yêu cầu ông Ng Ph L, bà Ng Th H trả cho bà tổng số tiền nợ theo 03 Hợp đồng vay tiền số 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014. Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Về các Hợp đồng vay tiền: Nguyên đơn xuất trình ba Hợp đồng vay tiền 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014, được ký kết giữa bà Ph Th K H với ông Ng P L và bà Ng Th H (vợ của ông Lai). Cuối các hợp đồng vay tiền đều có chữ ký và chữ viết của ông Ng P L và bà Ng Th H dưới mục Đại diện bên B (Bên đi vay). Quá trình giải quyết vụ án, xác minh được rằng: Người làm chứng trong ba Hợp đồng vay tiền là bà Ph Th Ng có xác nhận là có việc bà làm chứng cho việc vay tiền giữa bà H với ông Lai và bà H tại ba lần vay như hợp đồng; bà Ng Th H (bị đơn) cũng thừa nhận có việc vay tiền giữa bà, ông L (Chồng của bà) với bà H, thừa nhận chữ ký và chữ viết dưới các Hợp đồng vay tiền do nguyên đơn xuất trình là chữ ký và chữ viết của bà. Ông Ng P L không hợp tác nên Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông L dưới

ba Hợp đồng vay tiền trên, kết quả là: Tại Kết luận giám định số 19/KL-PC09(Đ3) ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an Nghệ An kết luận: “Chữ ký, chữ viết Ng P L dưới mục Đại diện bên B” (Bên đi vay) trên 3 hợp đồng cho vay tiền ký hiệu A1,A2,A3 so với chữ viết, chữ ký của Ng P L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra”. Vậy, có đủ cơ sở để kết luận ba Hợp đồng vay tiền 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014, được ký kết giữa bà Ph Th K H với ông Ng P L và bà Ng Th H là có thực tế, đúng sự thật nên cần được xem xét.

2.2. Về vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng: Các Hợp đồng cho vay tiền số 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014 được ký kết giữa bà Ph Th K H và ông Ng P L và bà Ng Thi H, có thời hạn trả nợ tại Điều 4 của các hợp đồng, và tại Điều 7 có quy định về cơ cấu thời gian trả nợ là có thể thương lượng. Tuy nhiên, từ khi nguyên đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án thì bên bị đơn đã không hợp tác để chứng minh đưa ra các chứng cứ về việc thực hiện hợp đồng (thực hiện việc trả nợ) cũng như việc xác định thời hạn trả nợ. Vậy nên, theo các điều khoản của hợp đồng vay tiền thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

2.3. Về số nợ gốc: Bà Ph Th K H yêu cầu ông Ng P L và bà Ng Th H trả số nợ gốc theo ba Hợp đồng vay tiền là 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Xét thấy: Tại các Điều 1 của các Hợp đồng vay tiền thể hiện: Hợp đồng cho vay tiền số 01 ngày 10/09/2014 cho vay số tiền 1.792.000.000đ; Hợp đồng cho vay tiền số 02 ngày 10/09/2014 cho vay số tiền 300.000.000đ; Hợp đồng cho vay tiền số 03 ngày 11/09/2014 cho vay số tiền 446.800.000đ. Tổng cả ba hợp đồng số tiền cho vay là 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Vậy, yêu cầu của bà Ph Th K H về số tiền nợ gốc là đúng, phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự, nên HĐXX chấp nhận.

2.4. Về nợ lãi: Đối với yêu cầu về nợ lãi, nguyên đơn đã có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền hợp pháp của nguyên đơn nên cần chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ lãi.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn là ông Ng P L và bà Ng Th H phải chịu

án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. **Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ph Th K H.**

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chi số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) là chi phí giám định. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên HĐXX căn cứ vào Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự cần buộc bị đơn hoàn trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Xét đề nghị nêu trên của Việt kiểm sát nhân dân thành phố Vinh thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 224, Điều 161 và điều 162 BLTTDS 2015; Điều 463, Điều 466 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph Th K H. Buộc ông Ng P L và bà Ng Th H phải thanh toán cho bà Ng Thi K H số tiền 2.538.800.000đ (hai tỷ năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) theo ba Hợp đồng vay tiền số 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014 .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph Th K H về phần nợ lãi theo ba Hợp đồng vay tiền số 01,2,03 ngày 10 và ngày 11/9/2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: ông Ng P L và bà Ng Th H phải chịu 82.776.000đ (Tám mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả cho bà Ph Th K H số tiền

6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí giám định. Trả lại cho bà Ph Th K H 41.000.000 đ (Bốn mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002468 ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Vinh;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Phước Linh